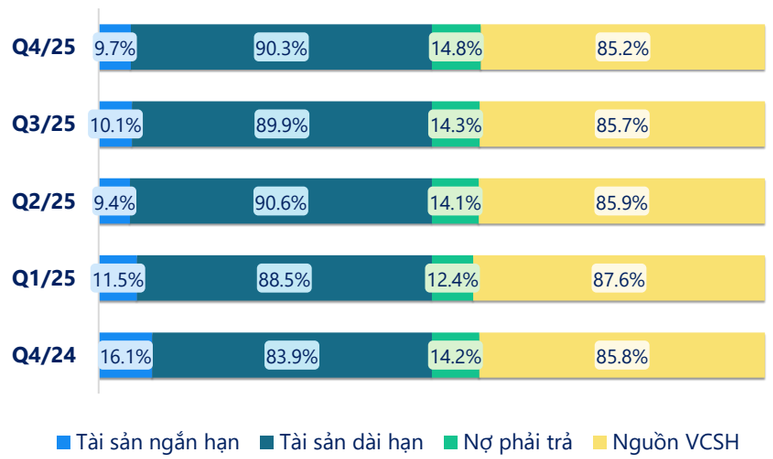
FireAnt

# CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

| Thông tin giao dịch | 31/12/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 1,300 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | |
| SL cổ phiếu LH | 29,699,991 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 107,125 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 39 |
| P/E | -2.9 |
| EPS | -449 |

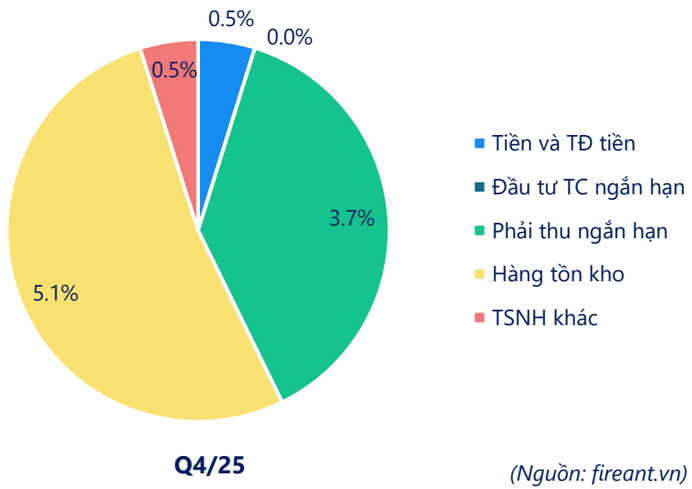
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| CVN | -31.6% | 8.3% | 0.0% | -7.1% |
| VNINDEX | 40.5% | 2.7% | 5.9% | 26.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



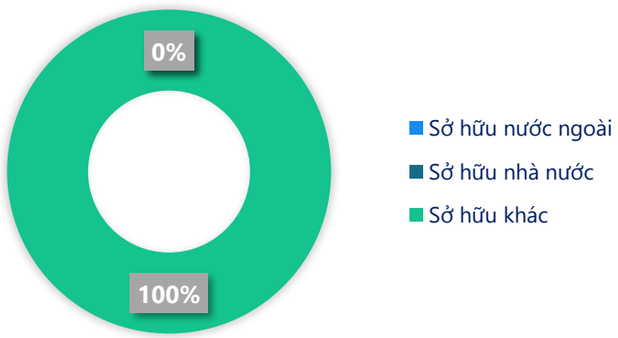

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



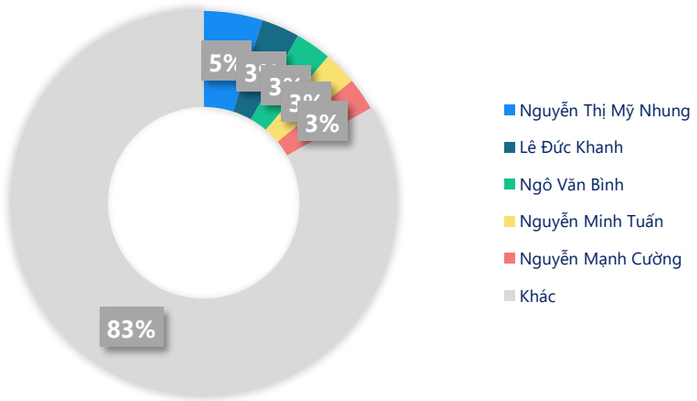

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



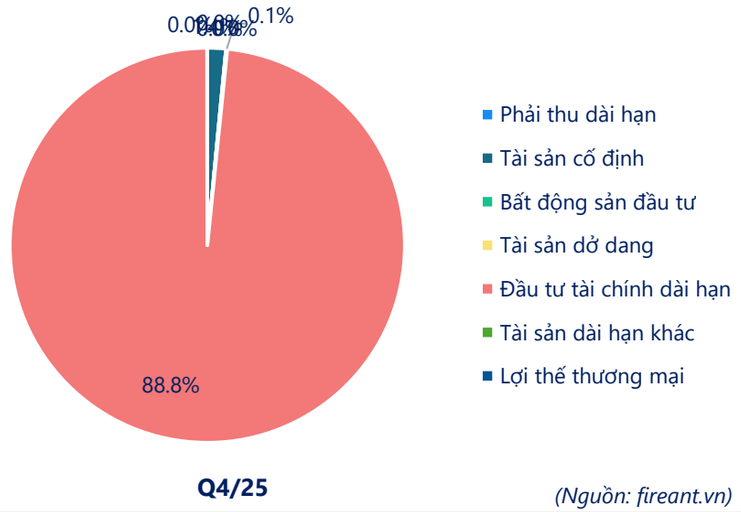

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

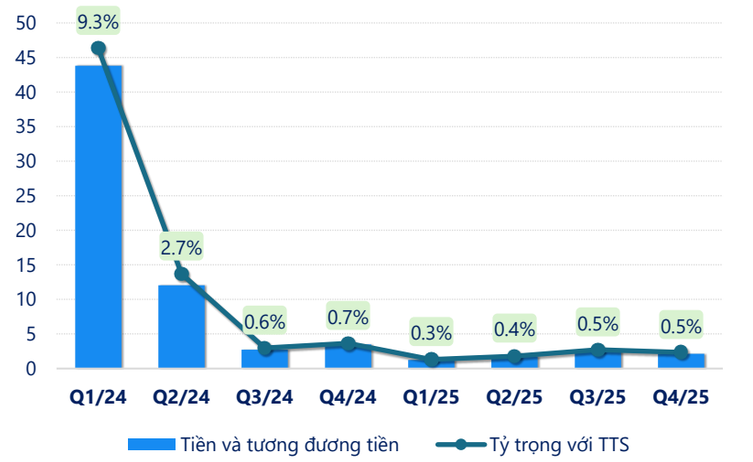



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

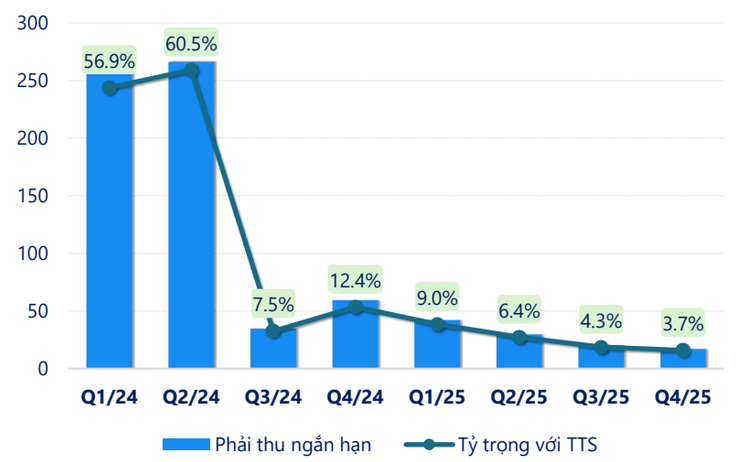
# CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

## Tiền và tương đương tiền



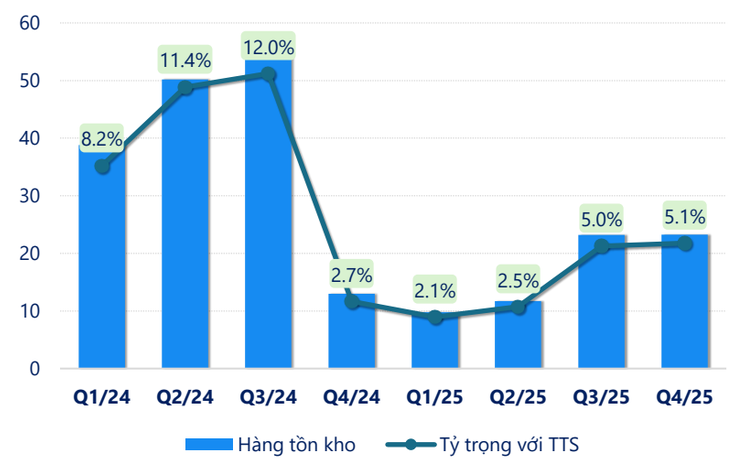

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



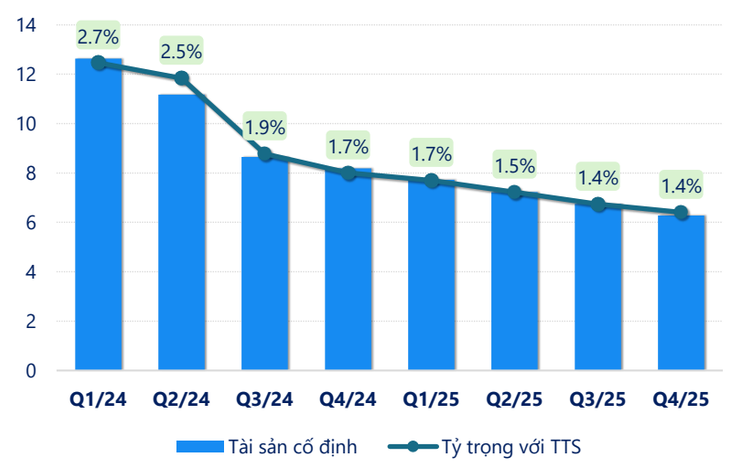

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



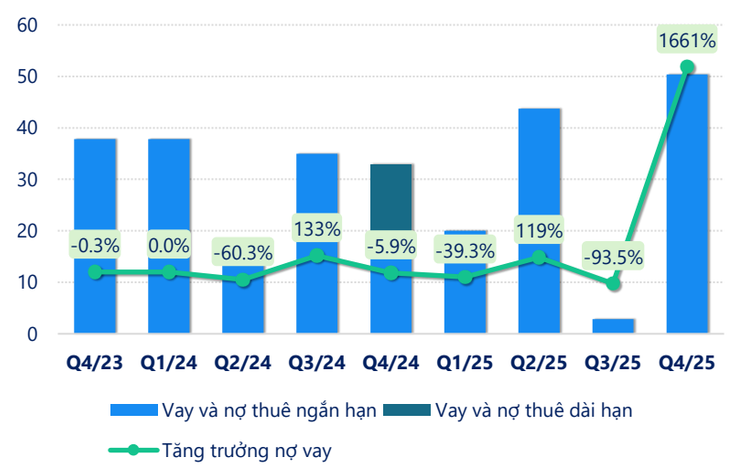

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



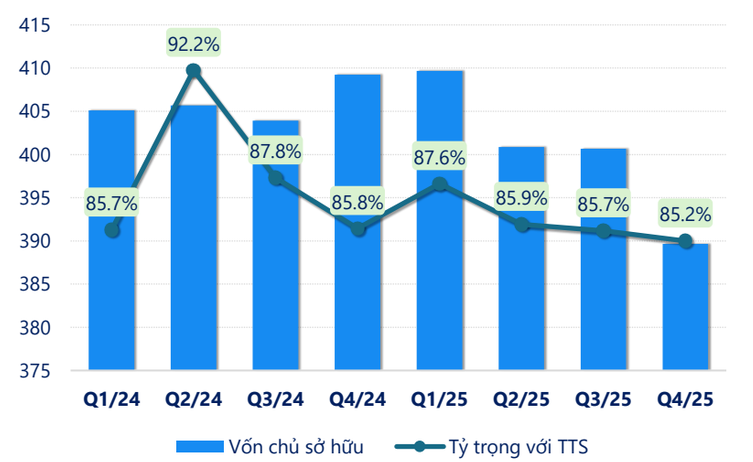

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

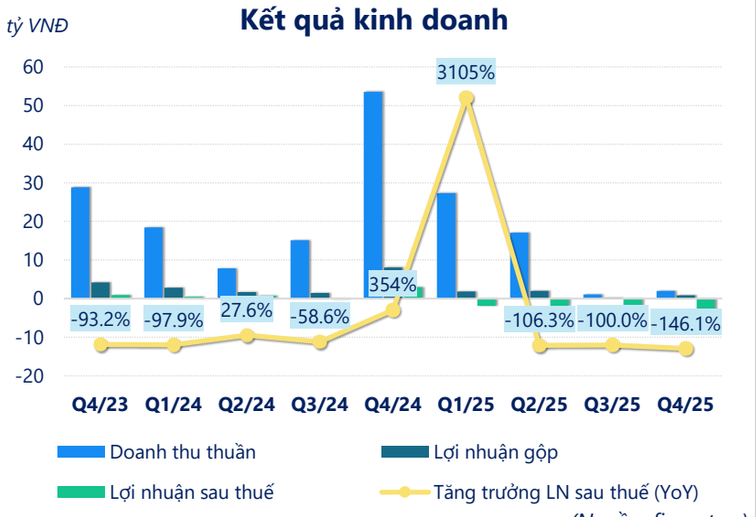
## Vốn chủ sở hữu




*(Nguồn: fireant.vn)*

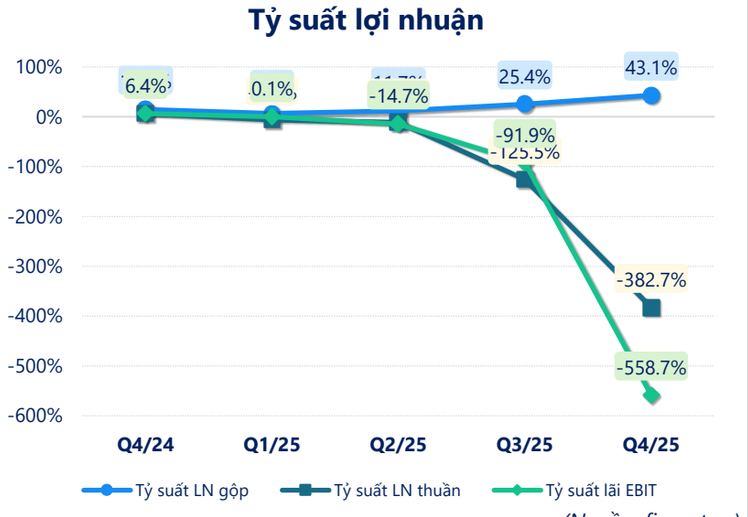
# CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

## Kết quả kinh doanh



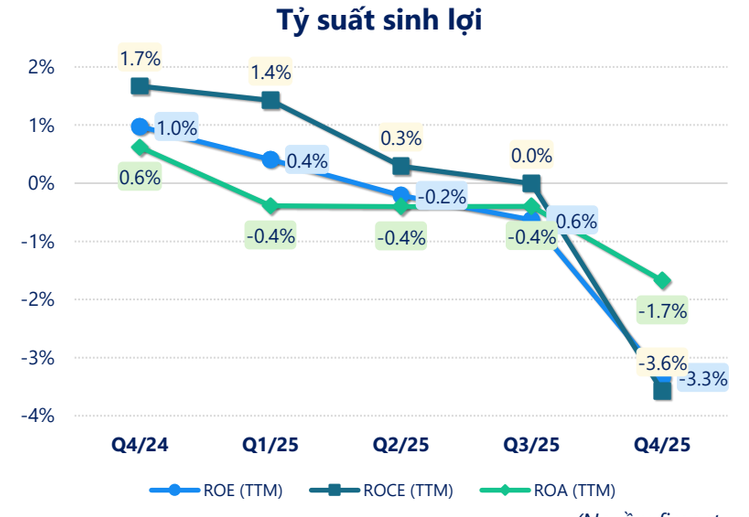

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



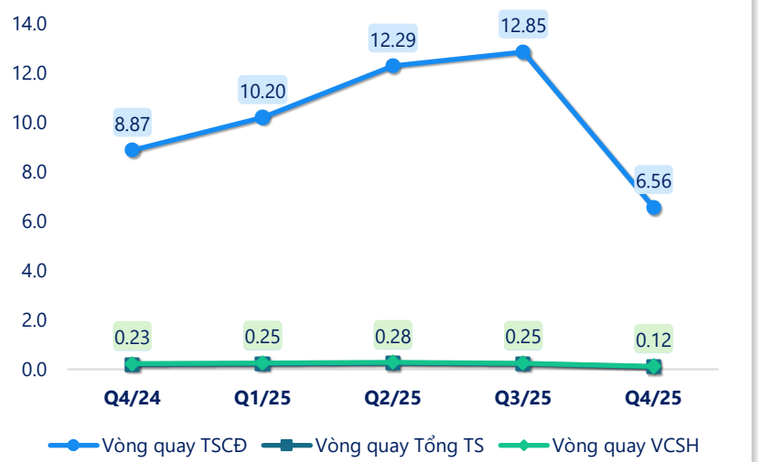

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



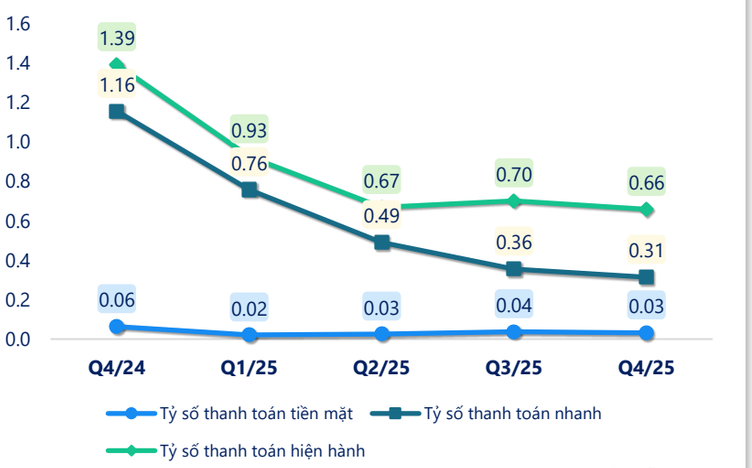

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



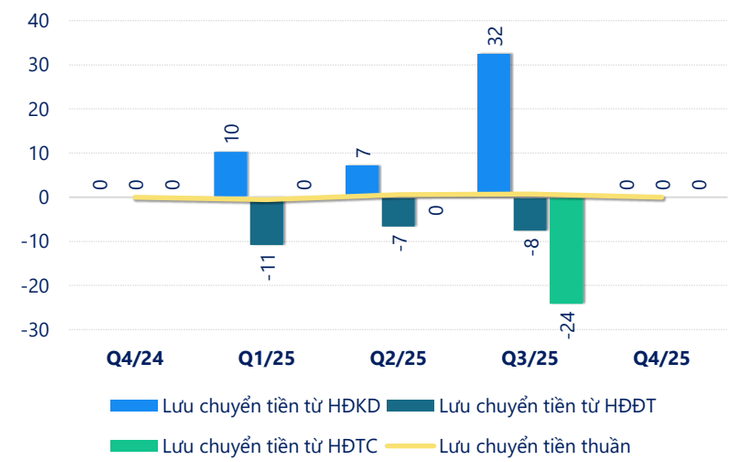

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Vinam (UPCOM: CVN)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ) | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **457** | **470** | **-2.8%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 44.4 | 70.7 | -37.2% |
| Tiền và tương đương tiền | 2.13 | 1.68 | 27.4% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải thu ngắn hạn | 16.9 | 55.4 | -69.6% |
| Hàng tồn kho | 23.2 | 12.9 | 79.8% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 2.18 | 0.75 | 190% |
| **Tài sản dài hạn** | **413** | **400** | **3.3%** |
| Phải thu dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản cố định | 6.28 | 8.18 | -23.3% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0.40 | 9.45 | -95.8% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 406 | 381 | 6.7% |
| Tài sản dài hạn khác | **0.05** | **1.35** | **-96.5%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 67.4 | 65.6 | 2.7% |
| **Nợ ngắn hạn** | **67.4** | **65.6** | **2.7%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 50.4 | 54.1 | -6.9% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 12.0 | 8.86 | 35.5% |
| **Nợ dài hạn** | 0 | 0 | |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **390** | **405** | **-3.7%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **390** | **405** | **-3.7%** |
| Vốn điều lệ | 297 | 297 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 | Q4/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 53.6 | 27.3 | 17.1 | 1.06 | 1.98 |
| Giá vốn hàng bán | 45.5 | 25.5 | 15.1 | 0.79 | 1.13 |
| **Lợi nhuận gộp** | 8.03 | 1.83 | 1.99 | 0.27 | 0.85 |
| Doanh thu HĐTC | 0.33 | 0.00 | 0.34 | 0.35 | 0.09 |
| Chi phí TC | 2.76 | 1.73 | -0.52 | 0.93 | 0.21 |
| **Chi phí lãi vay** | 0.18 | 1.73 | -0.64 | 0.93 | -2.99 |
| LN trong công ty LKLD | -1.05 | -0.65 | -0.75 | -0.32 | -3.85 |
| Chi phí bán hàng | 0.00 | 0.00 | 0.50 | 0.27 | 0.73 |
| Chi phí QLDN | 1.18 | 1.15 | 3.46 | 0.45 | 3.74 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 3.37 | -1.70 | -1.86 | -1.33 | -7.57 |
| Lợi nhuận khác | -0.10 | 0.00 | -0.02 | -0.57 | -0.49 |
| **LN trước thuế** | 3.26 | -1.70 | -1.88 | -1.90 | -8.06 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 2.99 | -1.87 | -1.87 | -1.90 | -7.93 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 2.97 | -1.83 | -1.83 | -1.85 | -7.83 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 | Q4/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 0 | 10.3 | 7.24 | 32.5 | 0 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 0 | -10.8 | -6.66 | -7.59 | 0 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 0 | 0.00 | 0.00 | -24.1 | 0 |
| Tiền đầu kỳ | 0 | 1.78 | 1.23 | 1.80 | 0 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **0** | **-0.55** | **0.57** | **0.73** | **0** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 0 | 1.23 | 1.80 | 2.53 | 0 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic